

PHỤ LỤC

Kết quả thẩm tra các Báo cáo, dự thảo Nghị quyết trình Kỳ họp chuyên đề, Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XII
(Kèm theo Báo cáo số 255/BC-BKTNS ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh)

Tại Kỳ họp chuyên đề, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định **06 dự thảo Nghị quyết** thuộc lĩnh vực phụ trách của Ban Kinh tế - Ngân sách. Trong đó: có 05 Nghị quyết quy phạm pháp luật và 01 Nghị quyết cá biệt. Cụ thể như sau:

STT	Kiến nghị, đề xuất của Ban KT-NS qua thẩm tra	Ý kiến tiếp thu, giải trình của Ủy ban nhân dân tỉnh (Tại Báo cáo số 483/BC-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2024)	Ý kiến của Ban KTNS về nội dung tiếp thu, giải trình của UBND tỉnh
I	Dự thảo Nghị quyết quy định giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán, giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do ngân sách nhà nước thanh toán, giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh Kon Tum		Thông nhất
1	(1) Theo báo cáo thẩm định, phương án xây dựng giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh được giữ nguyên yếu tố chi phí trực tiếp và chi phí phụ cấp thường trực, phụ cấp phẫu thuật, thủ thuật theo cơ cấu giá quy định tại Thông tư số 22/2023/TT-BYT ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế ⁽¹⁾ (kể cả các dịch vụ đang được xếp tương đương về kỹ thuật và chi phí thực hiện). Chi điều chỉnh yếu tố tiền lương từ mức lương cơ sở 1,8 triệu	Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo làm rõ như sau: - Về phương án giá chỉ điều chỉnh yếu tố tiền lương: Thực hiện theo đúng chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Thành Long tại Thông báo số 463/TB-VPCP ngày 10/10/2024 của Văn phòng Chính phủ và phù hợp với mức giá Bộ Y tế đã phê duyệt cho các đơn vị thuộc Bộ. - Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh đến thời điểm tháng 11/2024 là 93,77 %. Do đó việc điều chỉnh giá dịch vụ	

¹ Thông tư số 22/2023/TT-BYT ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định thống nhất giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế giữa các bệnh viện cùng hạng trong toàn quốc và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế trong một số trường hợp.

	<p>đồng/tháng lên 2,34 triệu đồng/tháng theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ⁽²⁾. Đề nghị báo cáo làm rõ nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm rõ sự phù hợp trong việc xây dựng phương án giá dịch vụ, vì sao chỉ thay đổi yếu tố tiền lương, trong khi đó giữ nguyên yếu tố chi phí trực tiếp và chi phí phụ cấp thường trực, phụ cấp phẫu thuật, thủ thuật theo cơ cấu giá quy định tại Thông tư số 22/2023/TT-BYT ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế. - Đánh giá tác động của giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh dự kiến ban hành và áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến người dân khi khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Kon Tum, sự phù hợp với điều kiện thực tế, cơ sở vật chất, trình độ chuyên môn của người cung cấp dịch vụ khám, chữa bệnh; khó khăn, vướng mắc (nếu có). 	<p>khám bệnh, chữa bệnh (<i>chỉ điều chỉnh yếu tố tiền lương</i>) dự kiến ban hành và áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2025, cơ bản không ảnh hưởng nhiều đến chi phí chi trả - của người dân khi đi khám bệnh, chữa bệnh (<i>Vì chi phí này đã được quỹ bảo hiểm y tế thanh toán theo mức hưởng và phạm vi hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế</i>). Đồng thời khi điều chỉnh giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh sẽ giúp các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh có thêm kinh phí để đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, từng bước nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho nhân dân trên địa bàn tỉnh.</p> <p>Về nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, kỹ thuật, trang thiết bị y tế: Hiện nay các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum đã đảm bảo về nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, kỹ thuật và trang thiết bị y tế để phục vụ cho công tác khám bệnh, chữa bệnh; các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum đảm bảo đủ điều kiện thực hiện tốt Nghị quyết sau khi được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua và có hiệu lực.</p>	
2	<p>(2) Trên cơ sở tên gọi dự thảo nghị quyết và tiêu đề Điều 1 dự thảo nghị quyết xác định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh áp dụng cho 03 trường hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán; - Giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do ngân sách nhà nước thanh toán; - Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. 	<p>Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo làm rõ như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngân sách nhà nước thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp xảy ra thiên tai, thảm họa, dịch bệnh truyền nhiễm nhóm A hoặc tình trạng khẩn cấp theo quy định tại Điều 110 Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh. Ví dụ: Khi có công bố dịch như các bệnh truyền nhiễm nhóm A (bệnh bại liệt; bệnh cúm A-H5N1; bệnh dịch hạch; bệnh đậu mùa,...), ngân sách nhà nước thanh toán bằng mức giá BHYT thanh toán. Hiện nay, Bộ Y tế ban hành bảng giá các Bệnh viện thuộc Bộ Y tế quản lý cũng không quy định Phụ lục “Giá cụ thể 	

² Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

	<p>Tuy nhiên, qua rà soát danh mục khám bệnh, chữa bệnh (từ Phụ lục I đến Phụ lục XVI kèm theo dự thảo nghị quyết) không có quy định “Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do ngân sách nhà nước thanh toán”. Đề nghị báo cáo làm rõ.</p>	<p>dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do ngân sách nhà nước thanh toán” riêng. Do đó, cần thiết quy định cụ thể nội dung “<i>Giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do ngân sách nhà nước thanh toán</i>” trong dự thảo Nghị quyết để có cơ sở triển khai trong trường hợp xảy ra thiên tai, thảm họa, dịch bệnh truyền nhiễm nhóm A hoặc tình trạng khẩn cấp theo quy định nêu trên.</p> <p>- Đồng thời qua tham khảo Nghị quyết đã ban hành của một số tỉnh, địa phương như: Trà Vinh, Quảng Nam...đều quy định tương tự như dự thảo nghị quyết của tỉnh Kon Tum về phạm vi điều chỉnh áp dụng cho 03 trường hợp⁽³⁾ và các danh mục khám bệnh, chữa bệnh cũng chưa có quy định “Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do ngân sách nhà nước thanh toán”.</p>	
3	<p>(3) Theo quy định tại khoản 6 Điều 110 Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2023: “6. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh quy định tại điểm b khoản 5 Điều này đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn quản lý thuộc phạm vi được phân quyền <u>nhưng không được vượt quá giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tương ứng do Bộ trưởng Bộ Y tế quy định.</u>”. Đề nghị báo cáo và khẳng định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đang trình Hội đồng nhân dân tỉnh không vượt quá giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tương ứng do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành?</p> <p>Trong thời gian đến, trường hợp Bộ Y tế ban hành quy định điều chỉnh, bổ sung giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở do Bộ Y tế quản lý thì xử lý vấn đề này như thế nào cho phù hợp. Đề nghị báo cáo thêm.</p>	<p>Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu và đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn rà soát, đảm bảo giá các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đang trình Hội đồng nhân dân tỉnh không vượt quá giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tương ứng do Bộ trưởng Bộ Y tế quy định.</p> <p>Trong thời gian đến, trường hợp có văn bản hướng dẫn điều chỉnh giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của cấp có thẩm quyền thì các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có trách nhiệm trình phương án điều chỉnh giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Thông tư số 21/2024/TT-BYT ngày 17/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về quy định phương pháp định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh</p>	

³ (1) Giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán; (2) Giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do ngân sách nhà nước thanh toán; (3) Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

4	<p>(4) Tại Phụ lục X. Trung tâm Y tế huyện Đăk Glei và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Trung tâm Y tế huyện Đăk Glei (kèm dự thảo nghị quyết):</p> <p>- Tại Mục IV. Giá các dịch vụ kỹ thuật thực hiện bằng phương pháp vô cảm gây tê chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ áp dụng tại Trung tâm y tế huyện Đăk Glei: có 19 dịch vụ kỹ thuật thực hiện bằng phương pháp vô cảm gây tê (<i>nhiều hơn 02 danh mục dịch vụ kỹ thuật đề xuất ban đầu của Trung tâm y tế huyện là 17 dịch vụ</i>); tuy nhiên tại Báo cáo thẩm định của Sở Y tế không có ý kiến điều chỉnh nội dung của Trung tâm y tế Đăk Glei (<i>thẩm định của Sở Y tế chỉ điều chỉnh của Bệnh viện đa khoa Ngọc Hồi⁽⁴⁾ và Trung tâm y tế Đăk Hà⁽⁵⁾</i>). Đề nghị báo cáo làm rõ vì sao có sự chênh lệch cao hơn 02 dịch vụ so với đề xuất của Trung tâm y tế huyện Đăk Glei.</p> <p>- Tại Mục V. Giá dịch vụ kỹ thuật và xét nghiệm của Phòng khám đa khoa Đăk Rơ Ông:</p> <p>+ Đề nghị xem xét rà soát biên tập tiêu đề Mục V cho phù hợp.</p> <p>+ Theo hồ sơ trình, có 744 dịch vụ, trong đó 742 dịch vụ thuộc danh mục Quỹ BHYT thanh toán và 02 dịch vụ không thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu. Tuy nhiên tại Báo cáo thẩm định, theo đề xuất ban đầu Phòng khám đa khoa Đăk Môn đăng ký 744 dịch vụ đều thuộc “danh mục Quỹ BHYT thanh toán”</p>	<p>Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu của Ban Kinh tế - Ngân sách, đã chỉ đạo Sở Y tế rà soát đảm bảo sự thống nhất trong hồ sơ trình và làm rõ như sau:</p> <p>- Tại Mục IV. Giá các dịch vụ kỹ thuật thực hiện bằng phương pháp vô cảm gây tê chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng trong dịch vụ áp dụng tại Trung tâm y tế huyện Đăk Glei</p> <p>Hồ sơ xây dựng phương án giá dịch vụ kỹ thuật thực hiện bằng phương pháp vô cảm gây tê do Trung tâm y tế huyện Đăk Glei đề xuất là 19 dịch vụ kỹ thuật. Qua thẩm định 19 dịch vụ kỹ thuật, hồ sơ xây dựng phương án giá của đơn vị đảm bảo theo quy định. Do sai sót trong quá trình soạn thảo, tại Báo cáo thẩm định của Sở Y tế chỉ ghi nhận là 17 dịch vụ kỹ thuật. Qua rà soát, dự thảo Nghị quyết đã đảm bảo giá của 19 dịch vụ kỹ thuật do đơn vị đề xuất.</p> <p>Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Y tế rà soát đảm bảo sự thống nhất trong hồ sơ trình.</p> <p>- Tại Mục V. Giá dịch vụ kỹ thuật và xét nghiệm của Phòng khám đa khoa Đăk Rơ Ông:</p> <p>+ Đã biên tập tiêu đề Mục V như sau: “Mục V. Giá dịch vụ kỹ thuật và xét nghiệm của Phòng khám đa khoa Đăk Môn”.</p> <p>+ Hồ sơ xây dựng phương án giá do Trung tâm y tế huyện Đăk Glei đề xuất có 744 dịch vụ, trong đó 742 dịch vụ thuộc danh mục Quỹ BHYT thanh toán và 02 dịch vụ không thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu. Qua thẩm định 744 dịch vụ</p>	
---	--	---	--

⁴ Phương án giá của Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Hồi đề xuất giá cho 3.652 danh mục kỹ thuật. Sở Y tế đề xuất phê duyệt 3.624 danh mục, loại 28 danh mục kỹ thuật trong danh mục đề xuất giá của Bệnh viện, lý do: 28 danh mục kỹ thuật này chưa được Sở Y tế phê duyệt thực hiện tại Bệnh viện.

⁵ Phương án giá của Trung tâm y tế huyện Đăk Hà đề xuất giá cho 1.511 danh mục kỹ thuật. Sở Y tế đề xuất phê duyệt 1.510 danh mục, loại 01 danh mục kỹ thuật trong danh mục đề xuất phê duyệt giá của Trung tâm Y tế huyện Đăk Hà, lý do: danh mục kỹ thuật bị trùng lặp.

	<p>và không có “danh mục dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc danh mục do Quỹ BHYT thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu”, bên cạnh đó, trong ý kiến thẩm định cũng không đề xuất điều chỉnh nội dung nêu trên của Phòng khám đa khoa Đăk Môn. Đề nghị báo cáo làm rõ?</p>	<p>kỹ thuật nêu trên, hồ sơ xây dựng phương án giá của đơn vị đảm bảo theo quy định. Do sót trong quá trình soạn thảo, tại Báo cáo thẩm định của Sở Y tế ghi nhận là 744 dịch vụ đều thuộc “danh mục Quỹ BHYT thanh toán”. Qua rà soát, dự thảo Nghị quyết đã đảm bảo có 744 dịch vụ, trong đó 742 dịch vụ thuộc danh mục Quỹ BHYT thanh toán và 02 dịch vụ không thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu do đơn vị đề xuất.</p> <p>Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Y tế rà soát đảm bảo sự thống nhất trong hồ sơ trình.</p>	
5	<p>(5) Tại Phụ lục XII. Trung tâm Y tế huyện Kon Rẫy và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Trung tâm Y tế huyện Kon Rẫy (kèm dự thảo nghị quyết): theo hồ sơ trình, Trung tâm y tế huyện Kon Rẫy có 1.650 dịch vụ kỹ thuật và xét nghiệm, trong đó có <u>1.647 dịch vụ</u> thuộc danh mục Quỹ BHYT thanh toán và 03 dịch vụ không thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu. Tuy nhiên tại Báo cáo thẩm định, theo đề xuất ban đầu Trung tâm y tế huyện Kon Rẫy đề xuất <u>1.664 dịch vụ</u> thuộc danh mục Quỹ BHYT thanh toán (khác với số liệu 1.647 tại phụ lục kèm DTNQ), bên cạnh đó trong ý kiến thẩm định cũng không đề xuất điều chỉnh nội dung nêu trên của Trung tâm y tế huyện Kon Rẫy. Đề nghị báo cáo làm rõ?</p>	<p>Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu, đã chỉ đạo Sở Y tế rà soát và làm rõ như sau:</p> <p>Hồ sơ xây dựng phương án giá do Trung tâm y tế huyện Kon Rẫy đề xuất có 1.650 dịch vụ kỹ thuật và xét nghiệm, trong đó có 1.647 dịch vụ thuộc danh mục Quỹ BHYT thanh toán và 03 dịch vụ không thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu. Qua thẩm định 1.650 dịch vụ kỹ thuật nêu trên, hồ sơ xây dựng phương án giá của đơn vị đảm bảo theo quy định. Do sai sót trong quá trình soạn thảo, tại Báo cáo thẩm định của Sở Y tế ghi nhận là 1.664 dịch vụ thuộc danh mục Quỹ BHYT thanh toán. Qua rà soát dự thảo Nghị quyết đã đảm bảo có 1.647 dịch vụ thuộc danh mục Quỹ BHYT thanh toán và 03 dịch vụ không thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu do đơn vị đề xuất.</p> <p>Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Y tế rà soát đảm bảo sự thống nhất trong hồ sơ trình.</p>	
	<p>(6) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn và đơn vị liên quan rà soát, sắp xếp, điều chỉnh danh mục giá dịch vụ khám</p>	<p>Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu và đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn rà soát, sắp xếp, điều chỉnh danh mục giá dịch vụ khám</p>	

	<p>bệnh, chữa bệnh ban hành kèm theo nghị quyết đảm bảo chính xác, khoa học, thuận tiện cho các cơ sở y tế trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và cơ quan liên quan về tính đầy đủ, chính xác của thông tin, số liệu và các nội dung liên quan trong hồ sơ trình Hội đồng nhân dân tỉnh.</p> <p>(7) Chỉ đạo rà soát, cập nhật các văn bản của Bộ Y tế ban hành giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ Y tế, đảm bảo danh mục, giá các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đề xuất không vượt quá giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tương ứng do Bộ trưởng Bộ Y tế quy định theo quy định tại Khoản 6 Điều 110 Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2023 và danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh quy định tại Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế.</p>	<p>bệnh, chữa bệnh ban hành kèm theo nghị quyết đảm bảo chính xác, khoa học, thuận tiện cho các cơ sở y tế trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện; rà soát đảm bảo giá các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đề xuất không vượt quá giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tương ứng do Bộ trưởng Bộ Y tế quy định và danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh quy định tại Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế.</p> <p>Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và cơ quan liên quan về tính đầy đủ, chính xác của thông tin, số liệu và các nội dung liên quan trong hồ sơ trình Hội đồng nhân dân tỉnh.</p>	
6	<p>(8) Chỉ đạo thực hiện việc tuyên truyền, phổ biến các chính sách liên quan đến việc áp dụng mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại nghị quyết này đảm bảo đồng bộ, không để phát sinh kiến nghị cử tri các vấn đề có liên quan; đồng thời, tăng cường hướng dẫn, kiểm tra, giám sát thực hiện chính sách bảo hiểm y tế, tăng cường quản lý, kiểm soát chi phí khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo đúng quy định.</p>	<p>Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu và sẽ chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai đồng bộ các nội dung theo đề nghị của Ban Kinh tế - Ngân sách sau khi Nghị quyết ban hành.</p>	
7	<p>(9) Rà soát, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Trong đó đề nghị biên tập lại một số nội dung như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biên tập tên gọi dự thảo Nghị quyết ngắn gọn, đảm bảo quy định và nêu cụ thể tại Điều 1 dự thảo nghị quyết. - Rà soát biên tập Điều 1 dự thảo nghị quyết đảm bảo chặt chẽ, chi tiết, phù hợp với quy định. 	<p>Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu và chỉnh sửa, biên tập lại một số nội dung, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biên tập lại tên gọi dự thảo Nghị quyết như sau: <i>“Quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum”</i>. - Biên tập Điều 1 dự thảo nghị quyết như sau: 	

<p>- Điều chỉnh bỏ Điều 2 dự thảo nghị quyết và bổ sung nội dung về “thời điểm áp dụng nghị quyết” vào điều khoản “Tổ chức thực hiện”.</p>	<p>“Điều 1. Quy định giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do Quỹ bảo hiểm y tế thanh toán; giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do ngân sách nhà nước thanh toán; giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc danh mục do Quỹ bảo hiểm y tế thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu áp dụng tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh áp dụng tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh: Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo. 2. Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh áp dụng tại Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Hồi: Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo. 3. Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh áp dụng tại Bệnh viện Y dược cổ truyền - Phục hồi chức năng: Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo. 4. Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh áp dụng tại Bệnh viện Tâm thần: Chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo. 5. Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh áp dụng tại Trung tâm Y tế thành phố Kon Tum và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Trung tâm Y tế thành phố Kon Tum: Chi tiết tại Phụ lục V kèm theo. 6. Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh áp dụng tại Trung tâm Y tế huyện Đăk Hà và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Trung tâm Y tế huyện Đăk Hà: Chi tiết tại Phụ lục VI kèm theo. 7. Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh áp dụng tại Trung tâm Y tế huyện Đăk Tô và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Trung tâm Y tế huyện Đăk Tô: Chi tiết tại Phụ lục VII kèm theo. 8. Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh áp dụng tại Trung tâm Y tế huyện Tu Mơ Rông và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Trung tâm Y tế huyện Tu Mơ Rông: Chi tiết tại Phụ lục VIII kèm theo. 	
--	--	--

9. Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh áp dụng tại Trung tâm Y tế huyện Ngọc Hồi và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Trung tâm Y tế huyện Ngọc Hồi: Chi tiết tại Phụ lục IX kèm theo.

10. Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh áp dụng tại Trung tâm Y tế huyện Đăk Glei và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Trung tâm Y tế huyện Đăk Glei: Chi tiết tại Phụ lục X kèm theo.

11. Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh áp dụng tại Trung tâm Y tế huyện Sa Thầy và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Trung tâm Y tế huyện Sa Thầy: Chi tiết tại Phụ lục XI kèm theo.

12. Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh áp dụng tại Trung tâm Y tế huyện Kon Rẫy và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Trung tâm Y tế huyện Kon Rẫy: Chi tiết tại Phụ lục XII kèm theo.

13. Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh áp dụng tại Trung tâm Y tế huyện Kon Plông và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Trung tâm Y tế huyện Kon Plông: Chi tiết tại Phụ lục XIII kèm theo.

14. Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh áp dụng tại Trung tâm Y tế huyện Ia H'Drai và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Trung tâm Y tế huyện Ia H'Drai: Chi tiết tại Phụ lục XIV kèm theo.

15. Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh áp dụng tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật: Chi tiết tại Phụ lục XV kèm theo.

16. Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh áp dụng tại Trung tâm Giám định y khoa: Chi tiết tại Phụ lục XVI kèm theo.”

- Điều chỉnh bỏ Điều 2 dự thảo nghị quyết.

- Biên tập nội dung quy định về “thời điểm áp dụng nghị quyết” vào điều khoản “Tổ chức thực hiện” như sau:

“Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum khóa XII Kỳ họp chuyên đề thông qua ngày...tháng 12 năm 2024 và áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2025./”

II	Dự thảo Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 32/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế nhưng không phải là đối tượng khám chữa bệnh theo yêu cầu trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum		Tổng nhất
1	Đề nghị xem xét bổ sung nội dung quy định chuyển tiếp vào dự thảo nghị quyết đối với các trường hợp người bệnh đang áp dụng giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trước thời điểm Nghị quyết số 32/2024/NQ-HĐND được bãi bỏ.	Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu và bổ sung nội dung quy định chuyển tiếp vào dự thảo nghị quyết đối với các trường hợp người bệnh đang áp dụng giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trước thời điểm Nghị quyết số 32/2024/NQ-HĐND được bãi bỏ, cụ thể: <i>“Mức giá quy định tại Nghị quyết số 32/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum được tiếp tục áp dụng đối với người bệnh đang điều trị tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực và ra viện hoặc kết thúc đợt điều trị ngoại trú sau thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực.”</i>	
2	Rà soát, hoàn thiện dự thảo nghị quyết theo quy định tại mẫu số 42 Phụ lục kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ và đồng bộ với các Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành.	Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu và đã rà soát, biên tập lại theo đúng quy định tại mẫu số 42 Phụ lục kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ và đồng bộ với các Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành. Trong đó, gộp Điều 2 và Điều 3 dự thảo nghị quyết và biên tập lại như sau: “Điều 2. Điều khoản thi hành <i>1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.</i> <i>2. Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh quy định tại Nghị quyết số 32/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum được tiếp tục áp dụng đối với người bệnh đang điều trị tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực và ra viện hoặc kết thúc đợt điều trị ngoại trú sau thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực.</i> <i>Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum Khóa XII Kỳ họp chuyên đề thông qua ngày ... tháng ... năm 2024./.”</i>	

III	Dự thảo Nghị quyết quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ sản xuất và bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Kon Tum		Tổng nhất
1	(1) Đề nghị báo cáo làm rõ tổng nguồn kinh phí và tình hình phân bổ, sử dụng hàng năm để thực hiện bảo vệ, phát triển đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh (theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 (được sửa đổi bởi khoản 4 Điều 1 Nghị định số 62/2019/NĐ-CP).	Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau: (1) Năm 2020: Ngân sách Trung ương giao; 16.284 triệu đồng; các huyện, thành phố thực hiện quyết toán: 12.639 triệu đồng; kinh phí còn thừa nộp trả trung ương: 3.645 triệu đồng; (2) Năm 2021: Ngân sách Trung ương giao: 16.248 triệu đồng; các huyện, thành phố thực hiện quyết toán: 13.066 triệu đồng; kinh phí còn thừa nộp trả trung ương: 3.218 triệu đồng; (3) Năm 2022: Ngân sách Trung ương giao: 15.628 triệu đồng; các huyện, thành phố thực hiện quyết toán: 12.937 triệu đồng; kinh phí còn thừa nộp trả trung ương: 2.691 triệu đồng; (4) Năm 2023: Ngân sách Trung ương giao: 15.628 triệu đồng; các huyện, thành phố thực hiện quyết toán: 12.717 triệu đồng; kinh phí còn thừa nộp trả trung ương: 2.911 triệu đồng; (5) Năm 2024: Ngân sách Trung ương giao: 15.628 triệu đồng; các huyện, thành phố đang rà soát, quyết toán theo quy định. (6) Năm 2025: Ngân sách Trung ương giao: 24.119 triệu đồng (trở: kinh phí bổ sung có mục tiêu năm 2025: 8.491 triệu đồng)	
2	(2) Xem xét biên tập khoản 1 Điều 1 dự thảo nghị quyết “Phạm vi điều chỉnh”: “ <i>Nghị quyết này quy định cụ thể nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Kon Tum</i> ”.	Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau: Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh đã biên tập khoản 1 Điều 1 dự thảo nghị quyết thành: “ <i>1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định cụ thể nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Kon Tum.</i> ”	
3	(3) Xem xét biên tập tách “ Điều 2. Nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và sử dụng kinh phí hỗ trợ ” thành 02 Điều như sau: “ Điều 2. Nguyên tắc, phạm vi hỗ trợ	Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau: Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh đã biên tập tách “ Điều 2. Nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và sử dụng kinh phí hỗ trợ ” thành 02 Điều và biên tập	

	<p>1. Nguyên tắc hỗ trợ ... 2. Phạm vi hỗ trợ ... Điều 3. Định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ” (4) Xem xét biên tập nội dung “Nguyên tắc, phạm vi hỗ trợ” theo hướng rõ nội dung, để việc áp dụng triển khai thực hiện chính sách đảm bảo thuận lợi, không gặp khó khăn, vướng mắc. (5) Đối với nội dung tại khoản 2 Điều 2 dự thảo nghị quyết “Phạm vi, định mức hỗ trợ”⁶: Đề nghị đề xuất và biên tập định mức hỗ trợ bám sát quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP, không trùng lặp và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. (6) Tại khoản 3 Điều 2 dự thảo nghị quyết: Đề nghị biên tập lại nội dung “sử dụng kinh phí hỗ trợ” đảm bảo chặt chẽ, bao quát, dễ thực hiện.</p>	<p>lại nội dung để đảm bảo chặt chẽ, bao quát, dễ thực hiện và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Cụ thể như sau: “Điều 2. Nguyên tắc, phạm vi hỗ trợ <i>Diện tích được hỗ trợ: đất chuyên trồng lúa, đất trồng lúa còn lại, đất chuyên trồng lúa tại vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao thuộc vùng đất chuyên trồng lúa, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh hoặc quy hoạch sử dụng đất cấp huyện được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</i> Điều 3. Định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ <i>Hỗ trợ cho các đơn vị, địa phương để thực hiện các nội dung theo phân cấp và quy định hiện hành, như sau:</i> <i>1. Sử dụng 50% kinh phí hỗ trợ cho người sử dụng đất trồng lúa: Sử dụng giống lúa hợp pháp để sản xuất; áp dụng quy trình sản xuất, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận; xây dựng mô hình trình diễn; hoạt động khuyến nông; tổ chức đào tạo, tập huấn, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.</i> <i>2. Phần kinh phí còn lại để thực hiện các hoạt động, gồm:</i> <i>a) Cải tạo, nâng cao chất lượng đất trồng lúa;</i> <i>b) Đánh giá tính chất lý, hóa học; xây dựng bản đồ nông hóa thổ nhưỡng vùng đất chuyên trồng lúa theo định kỳ 05 năm/lần;</i> <i>c) Sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã;</i> <i>d) Hỗ trợ mua bản quyền sở hữu giống lúa được bảo hộ.”</i></p>	
4	<p>(7) Đề nghị sớm phê duyệt vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao theo tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.</p>	<p>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau: Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì,</p>	

⁶ “2. Phạm vi, định mức hỗ trợ

a) Mức 1.500.000 đồng/ha/năm đối với đất chuyên trồng lúa;

b) Mức 750.000 đồng/ha/năm đối với đất trồng lúa còn lại, trừ đất lúa nương được mở rộng tự phát không theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa;

c) Hỗ trợ thêm mức 1.500.000 đồng/ha/năm đối với đất chuyên trồng lúa tại vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao.”

		phối hợp các đơn vị có liên quan sớm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao theo tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.	
5	(8) Rà soát, biên tập, hoàn thiện dự thảo nghị quyết theo quy định Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ. Trong đó, biên tập lại tên gọi dự thảo nghị quyết cho đồng bộ với phạm vi điều chỉnh.	<p>Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:</p> <p>Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh đã hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết theo đúng quy định. Đồng thời:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biên tập tên gọi nghị quyết như sau “Quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Kon Tum” - Điều chỉnh bỏ khoản 4 Điều 4 nghị quyết: “4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.” 	
IV	Dự thảo Nghị quyết quy định thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc dự toán mua sắm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum		Thông nhất
1	Tại khoản 1 Điều 1 dự thảo nghị quyết về “phạm vi điều chỉnh”: đề nghị biên tập đảm bảo đầy đủ, bao quát, chặt chẽ theo quy định.	<p>Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh đã biên tập lại Điều 1 dự thảo Nghị quyết như sau:</p> <p>“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</p> <p><i>Nghị quyết này quy định thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc dự toán mua sắm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 2 Điều 91 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu (được bổ sung bởi khoản 1 Điều 67 Nghị</i></p>	

		<i>định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 09 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất)</i> ”.	
2	Tại khoản 2 Điều 1 dự thảo nghị quyết về “phạm vi điều chỉnh”: Đề nghị cân nhắc nội dung đảm bảo phù hợp với quy định; tránh trùng lặp nội dung đã được quy định tại văn bản cấp trên.	<p>Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, qua rà soát Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất bỏ khoản 2 Điều 1 cụ thể:</p> <p><i>“2. Nghị quyết này không áp dụng đối với các trường hợp sau đây:</i></p> <p><i>a) Mua sắm hàng hóa, dịch vụ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ áp dụng mua sắm tập trung.</i></p> <p><i>b) Mua sắm hàng hóa, dịch vụ đối với nguồn kinh phí khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum (bao gồm cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum).”</i></p>	
3	Theo hồ sơ dự thảo nghị quyết, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét quy định 02 nội dung: (1) Quy định thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý (<i>điểm d khoản 2 Điều 91 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP</i>); (2) Quy định thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ có giá gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị lớn hơn 200 triệu đồng thuộc dự toán mua sắm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh (<i>điểm d khoản 2 Điều 91 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP</i>). Tuy nhiên, Điều 3 dự thảo nghị quyết gộp chung 02 nội dung “ <i>thẩm quyền mua sắm hàng hóa, dịch vụ của đơn vị sự nghiệp công lập</i> ” và “ <i>thẩm quyền mua sắm hàng</i>	<p>Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế- Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh biên tập lại Điều 3 (<i>Thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ (không phải là tài sản công) có giá trị lớn hơn 200 triệu đồng thuộc dự toán mua sắm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum</i>) dự thảo Nghị quyết thành 02 điều, cụ thể như sau:</p> <p><i>“Điều 3. Thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập</i></p> <p><i>1. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động của đơn vị mình.</i></p> <p><i>2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc mua sắm cho đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện.</i></p> <p><i>Điều 4. Thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ có giá gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị lớn hơn 200</i></p>	

	<p>hóa, dịch vụ (không phải là tài sản công) có giá gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị lớn hơn 200 triệu đồng thuộc dự toán mua sắm”, Ban nhận thấy việc gộp chung 02 nội dung theo dự thảo Nghị quyết là chưa phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP (được bổ sung bởi khoản 1 Điều 67 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024). Đề nghị xem xét biên tập điều khoản quy định riêng đối với hai nội dung trên cho phù hợp.</p> <p>Đề nghị rà soát, bổ sung quy định thẩm quyền mua sắm hàng hóa, dịch vụ có giá gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị lớn hơn 200 triệu đồng thuộc dự toán mua sắm cấp xã.</p>	<p>triệu đồng thuộc dự toán mua sắm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức</p> <p>1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp tỉnh (đơn vị dự toán cấp I) quyết định việc mua sắm cho đơn vị mình và các đơn vị dự toán trực thuộc, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này.</p> <p>2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc mua sắm cho các đơn vị dự toán trực thuộc, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết này.</p> <p>3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định việc mua sắm thuộc phạm vi quản lý cấp xã».</p>	
4	<p>Rà soát, biên tập, hoàn thiện dự thảo nghị quyết theo quy định Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ. Trong đó:</p> <p>+ Biên tập tên gọi dự thảo nghị quyết đảm bảo đầy đủ, bao quát và phù hợp; các chủ thể trong dự thảo Nghị quyết đảm bảo thống nhất, đồng bộ, phù hợp với quy định.</p> <p>+ Rà soát, bổ sung chi tiết phần căn cứ ban hành đối với Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 và Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 09 năm 2024, đảm bảo đầy đủ, chặt chẽ.</p> <p>+ Xem xét điều chỉnh bổ quy định tại khoản 3 Điều 4 dự thảo nghị quyết.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế- Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh đã rà soát, bổ sung hoàn thiện hồ sơ, dự thảo nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Trong đó:</p> <p>+ Biên tập lại tên gọi dự thảo nghị quyết: “Nghị quyết quy định thẩm quyền quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc dự toán mua sắm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum”</p> <p>+ Bổ sung chi tiết phần căn cứ như sau: “Căn cứ khoản 2 Điều 91 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; khoản 1 Điều 67 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 09 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất;”</p> <p>+ Điều chỉnh bổ quy định tại khoản 3 Điều 4 dự thảo nghị quyết: “3. Đối với các dự toán mua sắm hàng hóa, dịch vụ (hoặc gói thầu hoặc nội dung mua sắm) có giá trị lớn hơn 200 triệu</p>	

		<i>đồng nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định việc mua sắm trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện các trình tự, thủ tục mua sắm theo quy định pháp luật về đấu thầu và quy định pháp luật có liên quan.”.</i>	
V	Dự thảo Nghị quyết quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị; phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng sử dụng kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước của cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum		Thống nhất
1	<p>Tại khoản 1 Điều 1 dự thảo nghị quyết về “Phạm vi điều chỉnh”, đề nghị xem xét biên tập phạm vi điều chỉnh đảm bảo chặt chẽ, bao quát, phù hợp với quy định.</p> <p>Tại khoản 2, khoản 3 Điều 1 dự thảo nghị quyết về “Phạm vi điều chỉnh”: Đề nghị cân nhắc để tránh trùng lặp nội dung đã được quy định tại văn bản cấp trên.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế- Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, biên tập lại Điều 1 dự thảo nghị quyết về “Phạm vi điều chỉnh” cụ thể:</p> <p>Bỏ khoản 2, khoản 3 và biên tập lại Điều 1 dự thảo Nghị quyết như sau:</p> <p>“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</p> <p><i>Nghị quyết này quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị; phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng sử dụng kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước của cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 và điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị định số 138/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng”.</i></p>	
2	Tại Điều 3 dự thảo nghị quyết: Xem xét rà soát, điều chỉnh nội dung, chủ thể khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 3 dự thảo Nghị quyết cho phù hợp với quy định và tình	Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế- Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất điều chỉnh lại Điều 3 dự thảo Nghị quyết như sau:	

	<p>hình thực tế của địa phương; đảm bảo rõ ràng, chặt chẽ, dễ thực hiện, không trùng lặp.</p>	<p>“Điều 3. Thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị</p> <p>1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp tỉnh (đơn vị dự toán cấp I) quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị phục vụ hoạt động của đơn vị mình và các đơn vị dự toán trực thuộc.</p> <p>2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị của các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý cấp huyện.</p> <p>3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị thuộc phạm vi quản lý cấp xã.».</p>	
3	<p>Tại Điều 4 dự thảo nghị quyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung cụm từ “dự toán” vào tiêu đề và các nội dung liên quan tại Điều 4 dự thảo nghị quyết để đảm bảo đồng bộ theo quy định. - Rà soát, điều chỉnh nội dung, chủ thể quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 4 dự thảo Nghị quyết cho phù hợp với quy định và tình hình thực tế của địa phương; đảm bảo rõ ràng, chặt chẽ, dễ thực hiện, không trùng lặp và đồng bộ trong phân cấp thẩm quyền của các cơ quan, đơn vị. 	<p>Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế- Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, biên tập điều chỉnh các nội dung sau:</p> <p>(1) Bổ sung cụm từ “dự toán” vào tiêu đề và các nội dung liên quan tại Điều 4.</p> <p>(2) Tại khoản 1 Điều 5 Luật sửa đổi Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024 (có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2025) quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công quy định:</p> <p>“1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 17 như sau:</p> <p>“2. Căn cứ quy định tại Luật này, phân cấp của Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của địa phương cho <u>Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã, Ủy ban nhân dân các cấp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban</u></p>	

		<p><u>nhân dân cấp tỉnh hoặc người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị.</u>”.</p> <p>Căn cứ quy định trên, Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất bổ sung phần căn cứ pháp lý ban hành tại dự thảo Nghị quyết: “<i>Luật sửa đổi Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024</i>”. Đồng thời, biên tập lại thẩm quyền tại Điều 4 dự thảo Nghị quyết phân cấp cho “<i>Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp</i>” và “<i>người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị</i>” cụ thể như sau:</p> <p>“Điều 4. Phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của cơ quan, đơn vị, tổ chức</p> <p>1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp tỉnh (đơn vị dự toán cấp I) quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của đơn vị mình và các đơn vị dự toán trực thuộc.</p> <p>2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý cấp huyện.</p> <p>3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng thuộc phạm vi quản lý cấp xã.».</p>	
4	Chỉ đạo cơ quan chuyên môn hướng dẫn cụ thể cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh phê duyệt nhiệm vụ và	Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ chỉ đạo Sở Tài chính hướng dẫn hướng dẫn cụ thể	

	dự toán kinh phí, quản lý, sử dụng kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng đảm bảo về nguyên tắc, hồ sơ, trình tự, thủ tục, thẩm quyền quy định tại Nghị định số 138/2024/NĐ-CP và các văn bản pháp luật khác có liên quan.	cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí, quản lý, sử dụng kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng đảm bảo về nguyên tắc, hồ sơ, trình tự, thủ tục, thẩm quyền quy định tại Nghị định số 138/2024/NĐ-CP và các văn bản pháp luật khác có liên quan.	
5	Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí chịu trách nhiệm về sự cần thiết, sự phù hợp với nguyên tắc, tiêu chí, đảm bảo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định; chịu trách nhiệm về hồ sơ rà soát để ban hành theo thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước, tiết kiệm, hiệu quả.	Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ chỉ đạo Sở Tài chính hướng dẫn các đơn vị, địa phương tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định; đồng thời chỉ đạo các cơ quan, đơn vị phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí chịu trách nhiệm về sự cần thiết, sự phù hợp với nguyên tắc, tiêu chí, đảm bảo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định; chịu trách nhiệm về hồ sơ rà soát để ban hành theo thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước, tiết kiệm, hiệu quả.	
6	Rà soát, biên tập, hoàn thiện dự thảo nghị quyết theo quy định Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ. Trong đó, rà soát, biên tập tên gọi nghị quyết cho phù hợp.	Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế- Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, biên tập, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết theo quy định Nghị định số 154/2020/NĐ-CP. Trong đó: + Rà soát, biên tập tên gọi nghị quyết như sau: “ <i>Quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị; phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng sử dụng kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum</i> ”. Sau khi tiếp thu, hoàn thiện nội dung Nghị quyết như trên, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính rà soát, biên tập bỏ khoản 3 Điều 5 dự thảo Nghị quyết, cụ thể: «3. Trường hợp	

		<i>các văn bản quy phạm pháp luật quy định dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.»</i>	
VI	Dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định về thẩm quyền quyết định và phân cấp quyết định phê duyệt một số nội dung trong công tác quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum		Thống nhất
1	<p>Tại Điều 1 Quy định kèm theo dự thảo nghị quyết về “phạm vi điều chỉnh”: Báo cáo làm rõ đối với các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 1. Đề nghị cân nhắc để tránh trùng lặp với các nội dung đã được quy định tại văn bản cấp trên và rà soát, bổ sung vào nội dung tương ứng trong dự thảo Nghị quyết (nếu có).</p> <p>Tại khoản 2 Điều 2 Quy định kèm theo dự thảo nghị quyết về “đối tượng áp dụng”: đề nghị xem xét biên tập bỏ cụm từ “doanh nghiệp”.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh đã căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật⁷ và quy định chi tiết của Chính phủ tại Nghị định 151/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 114/2024/NĐ-CP) để rà soát phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của Nghị quyết đảm bảo đầy đủ. Theo đó, đề xuất bỏ các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 1 và bỏ cụm từ “doanh nghiệp” tại khoản 2 điều 2, đồng thời bổ sung thêm đối tượng áp dụng và biên tập lại Điều 1 và Điều 2 dự thảo Quy định kèm theo Nghị quyết như sau:</p> <p>«Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</p> <p><i>Quy định này quy định thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê, xử lý, khai thác tài sản công của các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum; phân cấp quyết định phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.</i></p> <p>Điều 2. Đối tượng áp dụng</p> <p><i>1. Các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum.</i></p>	

⁷ quy định ngôn ngữ, kỹ thuật văn bản quy phạm pháp luật: “2. Văn bản quy phạm pháp luật phải quy định cụ thể nội dung cần điều chỉnh, không quy định chung chung, không quy định lại các nội dung đã được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật khác.”

		<p>2. Đơn vị sự nghiệp công lập (đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên không áp dụng quy định thẩm quyền tại khoản 2, 3 và 4 Điều 3, Điều 4, Điều 5 và Điều 6 Quy định này).</p> <p>3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum.</p> <p>4. Các đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này, sau đây được gọi chung là cơ quan, đơn vị, tổ chức.»</p>	
2	<p>Đề nghị báo cáo thuyết minh làm rõ từng mức giá trị của 01 đơn vị tài sản nêu trong quy định kèm theo dự thảo nghị quyết (về mua sắm; thanh lý tài sản cố định; bán, tiêu hủy tài sản cố định).</p>	<p>Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo thuyết minh làm rõ như sau:</p> <p>(1) Về giá trị tài sản mua sắm: Việc đề xuất thẩm quyền mua sắm tài sản công mức 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trên cơ sở kế thừa nội dung đã được phân cấp tại Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND và Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh. Quá trình triển khai Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND và Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND thì thẩm quyền quyết định mua sắm như quy định là phù hợp với thực tiễn tại các cơ quan, đơn vị (trong năm ít phát sinh hồ sơ trang bị máy móc, thiết bị có giá trị tài sản trên 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản từ dự toán mua sắm thường xuyên). Mặt khác, việc quy định thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công tại dự thảo Nghị quyết là xác định theo giá trị của 01 đơn vị tài sản, khác với nhiệm vụ mua sắm đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị gói thầu không quá 200 triệu đồng theo quy định của pháp luật về đấu thầu (01 gói thầu, 01 nhiệm vụ có thể có từ 02 đơn vị tài sản trở lên).</p> <p>(2) Về giá trị tài sản thanh lý, bán, tiêu hủy: Trên cơ sở kế thừa nội dung đã được phân cấp tại Nghị quyết số 21/2018/NQ-HĐND và Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND; đồng thời tăng cường việc phân quyền cho các đơn vị thực hiện thanh lý tài sản</p>	

		<p>tại đơn vị mình với mức nguyên giá trên dưới 500tr /01 đơn vị tài sản (ngoài nhà, đất, xe ô tô) (trước đây các đơn vị dự toán trực thuộc phải trình đơn vị dự toán cấp 1 và Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định thanh lý tất cả tài sản có nguyên giá dưới 100 triệu/01 đơn vị tài sản). Đồng thời, việc đề xuất giá trị thanh lý tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản đảm bảo đồng bộ với giá trị thanh lý thuộc thẩm quyền quyết định đối với đơn vị sự nghiệp công lập (dưới 500trđ) theo quy định của Nghị định 151/2017/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 114/2024/NĐ-CP).</p>	
3	<p>Tại Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 Quy định kèm theo dự thảo nghị quyết: Xem xét rà soát các nội dung, chủ thể và đề xuất điều chỉnh cho phù hợp với quy định, đảm bảo rõ ràng, chặt chẽ, dễ thực hiện, không trùng lặp và phù hợp tình hình thực tế của địa phương,</p>	<p>Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế- Ngân sách, HĐND tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh lại Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9 và tách Điều 10 thành 03 Điều (<i>cập nhật, điều chỉnh, bổ sung tương ứng với các nội dung đã tiếp thu ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách</i>). Cụ thể như sau:</p> <p>«Điều 3. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công</p> <p>1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản công là trụ sở làm việc; cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum.</p> <p>2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp tỉnh (đơn vị dự toán cấp I) quyết định mua sắm tài sản công của đơn vị mình và quyết định mua sắm tài sản công có giá trị từ 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trở lên của các đơn vị dự toán trực thuộc, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p>3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm tài sản công có giá trị từ 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trở lên cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp huyện và cấp xã, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p>4. Thủ trưởng các đơn vị dự toán trực thuộc các cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức</p>	

cấp huyện và cấp xã quyết định mua sắm tài sản công có giá trị dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản cho đơn vị mình, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định mua sắm vật tiêu hao

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức sử dụng ngân sách các cấp quyết định mua sắm vật tiêu hao phục vụ hoạt động của đơn vị mình.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp tỉnh (không bao gồm thuê tài sản là hội trường, phòng họp để tổ chức các cuộc họp, tập huấn, hội nghị, hội thảo).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp huyện và cấp xã (không bao gồm thuê tài sản là hội trường, phòng họp để tổ chức các cuộc họp, tập huấn, hội nghị, hội thảo).

3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức sử dụng ngân sách các cấp quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị mình, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp tỉnh (đơn vị dự toán cấp I) quyết định khai thác tài sản công của đơn vị mình và các đơn vị dự toán trực thuộc.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định khai thác tài sản công của cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp huyện và cấp xã.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản công là trụ sở làm việc; cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp tỉnh (đơn vị

dự toán cấp I) quyết định thu hồi tài sản công của đơn vị mình và các đơn vị dự toán trực thuộc, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản công của cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp huyện và cấp xã, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công là xe ô tô.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp tỉnh; giữa cấp tỉnh và cấp huyện, cấp xã; giữa các huyện, thành phố thuộc tỉnh, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 3 và khoản 4 Điều này.

3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp tỉnh (đơn vị dự toán cấp I) quyết định điều chuyển tài sản công của đơn vị mình và các đơn vị dự toán trực thuộc, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp huyện và cấp xã thuộc phạm vi quản lý của địa phương, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản cố định

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản công là nhà làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất; xe ô tô, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp tỉnh (đơn vị dự toán cấp I) quyết định thanh lý tài sản công của đơn vị mình và quyết định thanh lý tài sản công có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của các đơn vị dự toán trực thuộc, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều

		<p>này.</p> <p>3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý:</p> <p>a) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp huyện và cấp xã.</p> <p>b) Tài sản công có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp huyện và cấp xã, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này;</p> <p>4. Thủ trưởng các đơn vị dự toán trực thuộc các cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp huyện (không bao gồm đơn vị sự nghiệp công lập) quyết định thanh lý tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của đơn vị mình, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 3 Điều này.</p> <p>5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của đơn vị mình, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 3 Điều này.</p> <p>Điều 10. Thẩm quyền quyết định bán tài sản cố định</p> <p>1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản cố định là xe ô tô.</p> <p>2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp tỉnh (đơn vị dự toán cấp I) quyết định bán tài sản cố định của đơn vị mình và quyết định bán tài sản cố định có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của các đơn vị dự toán trực thuộc, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p>3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản cố định có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng</p>	
--	--	--	--

trở lên/01 đơn vị tài sản của cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp huyện và cấp xã, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Thủ trưởng các đơn vị dự toán trực thuộc các cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp huyện và cấp xã quyết định bán tài sản cố định có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của đơn vị mình, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Tài sản được hình thành từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) tại đơn vị sự nghiệp công lập không áp dụng quy định tại Điều này.

Điều 11. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản cố định

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản cố định là nhà làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất; xe ô tô.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp tỉnh (đơn vị dự toán cấp I) quyết định tiêu hủy tài sản cố định của đơn vị mình và quyết định tiêu hủy tài sản cố định có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của các đơn vị dự toán trực thuộc, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiêu hủy tài sản cố định có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp huyện và cấp xã, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Thủ trưởng các đơn vị dự toán trực thuộc các cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp huyện và cấp xã quyết định tiêu hủy tài sản cố định có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của đơn vị mình, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

		<p>Điều 12. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản cố định trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại</p> <p>1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản cố định trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại là nhà làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất; xe ô tô.</p> <p>2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp tỉnh (đơn vị dự toán cấp I) quyết định xử lý tài sản cố định trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại của đơn vị mình và quyết định xử lý tài sản cố định trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của các đơn vị dự toán trực thuộc, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p>3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử lý tài sản cố định trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp huyện và cấp xã, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p>4. Thủ trưởng các đơn vị dự toán trực thuộc các cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp huyện và cấp xã quyết định xử lý tài sản cố định trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của đơn vị mình, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.»</p>	
4	<p>Tại Điều 10 Quy định kèm theo dự thảo nghị quyết: đề nghị tách các nội dung tại Điều 10 cho đồng bộ với quy định văn bản quy phạm pháp luật cấp trên.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế- Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh biên tập lại từ 01 Điều “Điều 10. Thẩm quyền quyết định bán, tiêu hủy tài sản cố định; xử lý tài sản cố định trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum” tách thành 03 Điều như sau:</p> <p>Điều 10. Thẩm quyền quyết định bán tài sản cố định</p> <p>Điều 11. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản cố định</p>	

		<p>Điều 12. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản cố định trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại</p>	
5	<p>Theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Luật quản lý, sử dụng tài sản công (khoản này được sửa đổi bởi Điểm b Khoản 3 Điều 5 Luật sửa đổi Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2024 có hiệu lực từ ngày 01/01/2025) quy định “Bán. Hình thức bán không được áp dụng đối với tài sản công là đất, tài sản gắn liền với đất, trừ đất, tài sản gắn liền với đất của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài và các trường hợp được bán theo quy định của luật khác”. Với quy định nêu trên, đề nghị rà soát các quy định có liên quan đến hình thức bán đối với tài sản công là đất, tài sản gắn liền với đất, xem xét biên tập cho phù hợp với quy định nêu trên.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế- Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh đã biên tập lại khoản 1 Điều 10 (không bao gồm thẩm quyền quyết định bán trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp) để tránh trường hợp phải sửa đổi sau khi Nghị quyết mới được ban hành như sau:</p> <p>«Điều 10. Thẩm quyền quyết định bán tài sản cố định</p> <p>1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản cố định là xe ô tô.</p> <p>2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp tỉnh (đơn vị dự toán cấp I) quyết định bán tài sản cố định của đơn vị mình và quyết định bán tài sản cố định có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của các đơn vị dự toán trực thuộc, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p>3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản cố định có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp huyện và cấp xã, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p>4. Thủ trưởng các đơn vị dự toán trực thuộc các cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp huyện và cấp xã quyết định bán tài sản cố định có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của đơn vị mình, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p>5. Tài sản được hình thành từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) tại đơn vị sự nghiệp công lập không áp dụng quy định tại Điều này.»</p> <p>Đồng thời, theo quy định của Luật sửa đổi bởi Điểm b Khoản 3 Điều 5 Luật sửa đổi Luật Chứng khoán, Luật Kế toán,</p>	

		<p>Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2024 có hiệu lực từ ngày 01/01/2025, không thực hiện áp dụng hình thức bán đối với tài sản công là đất, tài sản gắn liền với đất; theo đó, <u>việc bán nhà, đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp thực hiện theo quy định pháp luật về đất đai thì không phát sinh thủ tục quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị theo pháp luật về tài sản công</u>. Do đó, biên tập lại dự thảo bỏ Điều 11 tại dự thảo Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết (Thẩm quyền quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum) để tránh trường hợp phải bãi bỏ điều khoản quy định tại Nghị quyết của HĐND tỉnh sau khi Luật có hiệu lực thi hành (kể từ ngày 01/01/2025).</p>	
6	<p>Tại Điều 12 Quy định kèm theo dự thảo nghị quyết: đề nghị biên tập tiêu đề và xem xét xác định chủ thể “phê duyệt phương án giao, điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý của địa phương; bán; thanh lý; tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại” cho phù hợp với quy định và tình hình thực tế.</p>	<p>Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế- Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh đã biên tập lại Điều 12 (sau khi bổ sung nội dung, cập nhật lại STT thành Điều 14), theo đó, điều chỉnh thẩm quyền quyết định từ “<i>Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh</i>” thành “<i>Người quyết định phê duyệt dự án</i>”, cụ thể:</p> <p>“Điều 14. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án đối với dự án thuộc tỉnh quản lý <i>Người quyết định phê duyệt dự án thì phê duyệt phương án giao; điều chuyển; bán; thanh lý; tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản phục vụ hoạt động của dự án.</i>»</p>	
7	<p>Qua rà soát quy định tại Nghị định số 114/2024/NĐ-CP, Ban nhận thấy có một số nội dung chưa được quy định tại quy định kèm theo dự thảo nghị quyết, đề nghị</p>	<p>Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế- Ngân sách, HĐND tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất bổ sung Điều 13 tại dự thảo Quy định kèm theo Nghị quyết như sau:</p>	

<p>xem xét đề xuất đảm bảo đúng quy định.</p> <p>- Tại Điều 10a Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được bổ sung bởi khoản 6 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP) quy định về “<u>Thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định và tổ chức thực hiện điều chuyển, bán vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công được thực hiện theo quy định tại các Điều 20⁽⁸⁾, 21, 22⁽⁹⁾, 23, 24, 25, 26 và 27 Nghị định này</u>”.</p> <p>- Tại Điều 94a Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được bổ sung bởi khoản 59 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP) quy định về “<u>Thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định và tổ chức thực hiện điều chuyển, bán vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình thực hiện dự án được thực hiện theo quy định tại <u>Mục 5 Chương II Nghị định này</u></u>.⁽¹⁰⁾”.</p>	<p>“Điều 13. Thẩm quyền quyết định điều chuyển, bán vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình thực hiện dự án và trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công</p> <p>Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức sử dụng ngân sách các cấp quyết định điều chuyển, bán vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình thực hiện dự án và trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công của đơn vị mình.»</p>	
<p>8</p> <p>Đối với việc sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết:</p> <p>Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 56, khoản 2 Điều 57, khoản 2 Điều 58 Luật quản lý, sử dụng tài sản công (các khoản này được sửa đổi bởi Khoản 7, 8, 9 Điều 5 Luật sửa đổi Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2024 có hiệu lực từ ngày</p>	<p>Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế- Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất bổ sung Điều 15 tại dự thảo Quy định kèm theo Nghị quyết như sau:</p> <p>«Điều 15. Phân cấp quyết định phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết</p> <p>1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp tỉnh (đơn vị dự toán cấp I) quyết định phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị mình và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.</p> <p>2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt</p>	

⁸ Điều 20. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

c) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

⁹ Điều 22. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công

c) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định thẩm quyền quyết định bán tài sản cố định của cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

¹⁰ Mục 5. Chương II: Xử lý tài sản công tại cơ quan nhà nước.

	01/01/2025) quy định thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh trong việc quyết định hoặc phân cấp quyết định phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết. Tuy nhiên, hiện nay nội dung này chưa được đề cập trong quy định kèm theo dự thảo nghị quyết, đề nghị xem xét đề xuất đảm bảo đúng quy định.	đề án sử dụng tài sản công cho đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.»	
9	Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và cơ quan liên quan về tính đầy đủ, chính xác của thông tin, số liệu và các nội dung liên quan trong hồ sơ trình Hội đồng nhân dân tỉnh.	Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và cơ quan liên quan về tính đầy đủ, chính xác của thông tin, số liệu và các nội dung liên quan trong hồ sơ trình Hội đồng nhân dân tỉnh.	
10	Chỉ đạo người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công chấp hành quy định của Luật quản lý tài sản công và pháp luật có liên quan, bảo đảm sử dụng tài sản công đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ, tiết kiệm, hiệu quả; chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc quản lý, sử dụng tài sản công được Nhà nước giao.	Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ tổ chức thực hiện và chỉ đạo người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công chấp hành quy định của Luật quản lý tài sản công và pháp luật có liên quan, bảo đảm sử dụng tài sản công đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ, tiết kiệm, hiệu quả; chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc quản lý, sử dụng tài sản công được Nhà nước giao.	
11	Rà soát nội dung, biên tập, hoàn thiện dự thảo nghị quyết theo quy định Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ. Trong đó: + Biên tập tên gọi dự thảo nghị quyết đảm bảo ngắn gọn, bao quát. + Phần căn cứ: rà soát, bổ sung bổ sung “Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023”. + Rà soát nội dung dự thảo nghị quyết, trường hợp không có dẫn chiếu văn bản quy phạm pháp luật cấp trên thì xem xét bỏ khoản 3 Điều 2 dự thảo nghị quyết.	Tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế - Ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh đã rà soát, bổ sung hoàn thiện hồ sơ, dự thảo nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Trong đó: - Điều chỉnh tên gọi dự thảo nghị quyết đảm bảo ngắn gọn, bao quát: “Ban hành Quy định về thẩm quyền quyết định và phân cấp quyết định phê duyệt một số nội dung trong công tác quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum” - Bổ sung căn cứ Nghị quyết: “Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023”.	

		<p>- Bỏ khoản 3 Điều 2 dự thảo nghị quyết: “<i>Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật quy định dẫn chiếu tại Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.</i>”</p> <p>Để đảm bảo việc tổ chức thực hiện Nghị quyết được thông suốt sau khi sắp xếp, tổ chức lại cơ quan, đơn vị theo Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương (<i>dự thảo Quy định kèm theo Nghị quyết ban hành có nội dung quy định thẩm quyền cho Giám đốc Sở Tài chính, đơn vị thuộc đối tượng sắp xếp, tổ chức lại</i>), Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính biên tập bổ sung tại khoản 4 Điều 2 Nghị quyết như sau:</p> <p>“<i>4. Trường hợp tên gọi các cơ quan, đơn vị nêu tại Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết này có thay đổi do sắp xếp lại tổ chức bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao thì thực hiện theo tên gọi sau khi sắp xếp.</i>”</p>	
--	--	--	--